

kiểm tra tình hình thực hiện giá bán xăng dầu tại địa phương, kịp thời phát hiện những sai phạm và xử lý trong phạm vi quyền hạn của mình theo các quy định hiện hành hoặc báo cáo các cơ quan có thẩm quyền xử lý.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2003. Mọi quyết định trước đây trái với Quyết định này đều không có hiệu lực thi hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

NGUYỄN NGỌC TUẤN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 22/2003/QĐ-BTC ngày 18/02/2003 về cơ chế tài chính trong việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Đất đai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998, năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994

của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Sau khi có ý kiến của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

1. Quyết định này áp dụng cho các trường hợp sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, khoản 10 Điều 1 Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai.

2. Danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng được sử dụng quỹ đất tạo vốn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt như:

- Dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội ngoài đô thị, ngoài khu dân cư nông thôn: giao thông liên lạc, thủy lợi, điện, cấp - thoát nước, trường học, bệnh viện (trạm xá), quảng trường, sân vận động và các công trình kết cấu hạ tầng khác;

- Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị;

- Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư;

- Các dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng khác.

3. Quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng là quỹ đất nằm trong kế hoạch sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bao gồm:

- Đất giao có thu tiền sử dụng đất;

- Đất cho thuê, đất giao theo hình thức khác nay chuyển sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (chuyển mục đích sử dụng).

4. Hình thức sử dụng quỹ đất tạo vốn.

a) Giao đất ngay tại nơi có công trình kết cấu hạ tầng của dự án;

b) Giao đất nằm ngoài phạm vi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng của dự án;

c) Giao đất do mở rộng phạm vi thu hồi đất đối với dự án xây dựng các công trình hạ tầng giao thông. Phần diện tích đất mở rộng này được sử dụng tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng;

d) Sử dụng quỹ đất có nhiều thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, sinh hoạt và dịch vụ để giao đất tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng chung của địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Tổ chức kinh tế trong nước (sau đây còn gọi tắt là nhà đầu tư hoặc tổ chức) có đăng ký hoạt động kinh doanh bất động sản, có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư; nếu trúng thầu công trình hoặc trúng đấu giá quyền sử dụng đất (sau đây gọi là đấu giá đất) được Nhà nước giao đất thuộc dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng. Riêng trường hợp sử dụng quỹ đất tạo vốn theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này thì đối tượng áp dụng còn gồm cả cá nhân trong nước (sau đây còn gọi tắt là cá nhân) có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật.

Điều 3. Cơ chế tài chính áp dụng cho dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Dự án đầu tư được sử dụng quỹ đất tạo vốn phải thực hiện đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc đấu giá đất đối với quỹ đất dùng để tạo vốn cho dự án đầu tư cơ sở hạ tầng như sau:

- Trong một dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nếu đã thực hiện đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thì không đấu giá đất, nhà

đầu tư trúng thầu được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nếu thực hiện đấu giá đất thì nhà đầu tư trúng đấu giá đất được giao thực hiện xây dựng công trình cơ sở hạ tầng.

- Trường hợp chỉ có một (01) nhà đầu tư xin thực hiện dự án, nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quyết định này thì thực hiện chỉ định thầu.

Nhà đầu tư trúng thầu công trình hoặc trúng thầu qua đấu giá đất không được phép bán thầu lại dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 4. Lập danh mục và công khai dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Căn cứ vào Danh mục các dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và kế hoạch sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chỉ đạo lập và trình duyệt dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng công trình cơ sở hạ tầng; công bố, công khai trong thời gian 20 ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương (đài phát thanh, truyền hình, báo) và niêm yết tại xã, phường, thị trấn hoặc quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất sử dụng tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng về:

1. Danh mục các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng được sử dụng quỹ đất tạo vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chia ra 02 phần:

a) Danh mục công trình xây dựng cơ sở hạ tầng tổ chức đấu thầu ứng với quỹ đất được giao;

b) Danh mục quỹ đất thực hiện đấu giá ứng với công trình xây dựng cơ sở hạ tầng

2. Danh mục quỹ đất dùng để tạo vốn cho từng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng: địa điểm, diện tích, loại đất đang sử dụng, loại đất được

phép chuyển mục đích sử dụng theo quy hoạch sử dụng khu đất và các thông tin khác có liên quan đến dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

3. Danh mục quỹ đất dùng để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng chung của địa phương theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này.

Điều 5. Đấu thầu công trình, đấu giá đất sử dụng tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Theo quy định tại Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53 Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu thầu, cơ quan (người) có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức đấu thầu dự án.

1. Trường hợp đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng của dự án:

a) Tổ chức đấu thầu để chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

b) Xác định giá đất giao cho nhà đầu tư trúng thầu công trình để thanh toán giá trị công trình. Trong trường hợp này, giá đất giao có thu tiền sử dụng đất là giá đất tính theo mục đích sử dụng mới. Giá này phải là giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo mục đích sử dụng mới của khu đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Theo nguyên tắc trên đây, giá đất để tính thu tiền sử dụng đất của khu đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng được xác định phù hợp với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế của đất liền kề (gần nhất) có cùng mục đích sử dụng theo mục đích sử dụng mới của khu đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng; đồng thời có tính đến:

- Giá đất để tính đền bù khi thu hồi quỹ đất dùng để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Giá đất theo mục đích sử dụng mới của khu đất dùng để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng do Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Chính phủ;

- Vị trí của khu đất dùng để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và điều kiện về kết cấu hạ tầng;

- Các yếu tố khác có liên quan đến giá đất.

c) Nhà đầu tư trúng thầu xây dựng công trình cơ sở hạ tầng được giao đất. Giá trị thanh toán được xác định như sau:

- Giá trúng thầu xây dựng công trình cơ sở hạ tầng;

- Giá đất được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Trường hợp đấu giá đất:

a) Giá trị công trình cơ sở hạ tầng dùng để thanh toán quỹ đất là dự toán của dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

b) Giá đất dùng để thanh toán công trình xây dựng cơ sở hạ tầng là giá đất trúng đấu giá.

3. Nhà đầu tư trúng đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc trúng đấu giá đất là nhà đầu tư có mức giá bỏ thầu xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thấp nhất hoặc mức giá đấu giá đất cao nhất.

4. Trường hợp thực hiện sử dụng quỹ đất tạo vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng chung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này thì thực hiện đấu giá đất. Toàn bộ số tiền sử dụng đất thu được phải được quản lý theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trước khi đấu giá đất cần đầu tư cải tạo đất hoặc đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng và các công trình liên quan khác thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 6. Điều kiện đấu giá đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

1. Đất dùng để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng là đất đã có quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Đất sử dụng để ở hoặc dùng làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Lựa chọn nhà đầu tư tham gia đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc đấu giá đất.

1. Đối tượng tham gia đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc đấu giá đất là tổ chức, cá nhân (theo quy định tại Điều 2 Quyết định này) có nhu cầu sử dụng và kinh doanh bất động sản, có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật, có kinh nghiệm thực hiện dự án đầu tư.

2. Nhà đầu tư tham gia đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc đấu giá đất phải gửi đến chủ dự án hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, quyết định đấu giá đất (trong trường hợp sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng chung) hồ sơ xin tham gia đấu thầu công trình hoặc đấu giá đất, hồ sơ gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư, bản tự giới thiệu kèm theo tài liệu chứng minh về khả năng chuyên môn, tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm thực hiện dự án;

- Báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất;

- Phương án triển khai thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, dự án sử dụng quỹ đất được giao;

- Văn bản đề nghị được tham gia đấu thầu, đấu giá.

Trường hợp cá nhân xin tham gia đấu giá đất theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này thì chỉ cần có văn bản đề nghị được tham gia đấu giá và dự kiến sử dụng quỹ đất được giao.

3. Điều kiện lựa chọn tổ chức kinh tế, cá nhân tham gia đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc đấu giá đất:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phù hợp với việc thực hiện dự án đầu tư;

- Có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

- Có phương án triển khai thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, dự án sử dụng có hiệu quả quỹ đất được giao;

- Một tổ chức chỉ được tham gia một đơn vị dự thầu trong một gói thầu. Trường hợp Tổng Công ty (Công ty) đứng tên tham gia dự thầu thì các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc không được phép tham gia với tư cách nhà thầu độc lập.

Trường hợp đấu giá đất theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này mà quỹ đất để đấu giá đã phân thành thửa (lô) để xây dựng nhà ở riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân thì cá nhân tham gia đấu giá chỉ cần có giấy tờ chứng minh khả năng tài chính.

Điều 8. Tổ chức đấu giá đất.

Tổ chức đấu giá đất như sau:

- Trước khi tiến hành đấu giá 30 ngày, Hội đồng (cơ quan chủ trì) đấu giá thông báo công khai lô (thửa) đất đấu giá ít nhất 02 lần trong thời gian 02 tuần trên phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình địa phương, báo địa phương, các phương tiện thông tin đại chúng khác và được niêm yết tại địa điểm tổ chức đấu giá, trụ sở Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi có đất đấu giá.

Nội dung thông báo công khai gồm: địa điểm, diện tích, kích thước, mục đích sử dụng hiện tại, quy hoạch sử dụng đất, thời điểm đăng ký, thời điểm tiến hành đấu giá và các thông tin khác có liên quan.

- Tiến hành các thủ tục đăng ký tham gia đấu giá.

- Giới thiệu lô đất, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng của khu đất đấu giá.

- Tổ chức đấu giá theo nguyên tắc đấu giá trực

tiếp, theo quy chế đấu giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về đấu giá.

Điều 9. Đăng ký tham gia đấu giá đất.

1. Các đối tượng được lựa chọn theo quy định tại Điều 7 Quyết định này được đăng ký và hoàn tất thủ tục đăng ký chậm nhất trước 02 ngày của ngày tổ chức đấu giá.

2. Sau khi hồ sơ được Hội đồng chấp thuận, tổ chức, cá nhân đăng ký đấu giá đất phải nộp:

a) Tiền đặt cọc (tiền bảo lãnh - tiền đặt trước) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho từng cuộc đấu giá nhưng không quá 5% giá trị đất tính theo giá đất có điều kiện kết cấu hạ tầng tương tự liền kề (gần nhất) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Người trúng đấu giá được trừ tiền đặt cọc vào tiền sử dụng đất phải nộp (dùng để thanh toán), người không trúng đấu giá được trả lại ngay sau khi cuộc đấu giá kết thúc. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký tham gia đấu giá đất, đã nộp tiền đặt cọc, nhưng không tham gia đấu giá hoặc trúng đấu giá nhưng từ chối không thực hiện dự án hoặc rút lại giá đã trả thì không được hoàn trả tiền đặt cọc, khoản tiền này được nộp vào ngân sách nhà nước.

b) Phí tham gia đấu giá; khoản phí này nộp khi đăng ký tham gia đấu giá và không hoàn trả cho tổ chức, cá nhân đã đăng ký tham gia đấu giá. Mức phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với thực tế ở địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu giá.

Điều 10. Xác định giá khởi điểm đấu giá đất.

Giá khởi điểm do Hội đồng đấu giá quyết định. Giá khởi điểm được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này và không được thấp hơn giá đất có điều kiện kết cấu hạ tầng tương tự liền kề (gần nhất) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Chính phủ.

Điều 11. Tiến hành đấu giá đất.

1. Thủ tục mở phiên đấu giá:

- Giới thiệu thành viên Hội đồng, người điều hành và người giúp việc (nếu có).

- Diểm danh người đã đăng ký tham gia đấu giá, người có đủ điều kiện tham gia đấu giá.

- Giới thiệu toàn bộ thông tin có liên quan đến lô đất thực hiện đấu giá, giải đáp thắc mắc của người tham gia đấu giá; Phát phiếu đấu giá cho từng tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá; làm các thủ tục cần thiết khác.

2. Hình thức và trình tự đấu giá: Theo nguyên tắc đấu giá bỏ phiếu kín trực tiếp, phiếu do Hội đồng phát ra.

- Sau khi kết thúc vòng đấu giá thứ nhất (vòng một), Hội đồng đấu giá công bố giá khởi điểm.

- Thực hiện đấu từng vòng, liên tục và vòng đấu cuối cùng là vòng đấu mà sau khi Hội đồng đấu giá công bố mức giá trả cao nhất nhưng không có người yêu cầu đấu giá tiếp nữa. Người có mức giá trả cao nhất của vòng này là người trúng đấu giá - người được nhận quyền sử dụng đất.

Trường hợp đấu giá quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng chung của địa phương theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này mà gồm nhiều thửa (lô) đất, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hình thức và trình tự cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Xem xét và phê duyệt kết quả đấu thầu công trình hoặc đấu giá đất.

Căn cứ vào kết quả đấu thầu công trình hoặc đấu giá đất, chủ dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt kết quả đấu thầu công trình hoặc kết quả đấu giá đất của dự án. Trường hợp đấu giá đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng chung cho địa phương theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 Quyết định này, thì Hội đồng đấu giá trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kết quả đấu giá.

Điều 13. Trong trường hợp chỉ có một nhà đầu tư xin thực hiện dự án.

Trong trường hợp chỉ có một nhà đầu tư xin thực hiện dự án thì:

- Giá trị công trình cơ sở hạ tầng để thanh toán quỹ đất là dự toán của dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành;

- Giá đất dùng để xác định giá trị quỹ đất giao cho nhà đầu tư để thanh toán giá trị xây dựng công trình cơ sở hạ tầng là giá đất được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này.

Điều 14. Ký kết hợp đồng.

Căn cứ vào phê duyệt kết quả đấu thầu (đấu giá) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ dự án và nhà đầu tư trúng thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc trúng đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện ký hợp đồng. Hợp đồng phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Hợp đồng kinh tế và quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 15. Thanh toán, hạch toán và quản lý tiền thu được từ quỹ đất tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

1. Sau khi giao đất cho nhà đầu tư trúng thầu hoặc trúng đấu giá đất, Sở Tài chính - Vật giá thực hiện ghi thu tiền sử dụng đất bằng giá trị quỹ đất giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời ghi thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng của dự án.

2. Trường hợp giá trị quỹ đất giao cho nhà đầu tư lớn hơn giá trị công trình của dự án thì nhà đầu tư phải nộp phần chênh lệch bằng tiền vào ngân sách địa phương. Trường hợp giá trị quỹ đất giao cho nhà đầu tư nhỏ hơn giá trị công trình của dự án thì ngân sách địa phương thanh toán trả cho nhà đầu tư phần chênh lệch; việc thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về trình tự cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Số tiền sử dụng đất thu được từ quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng chung của địa phương quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 và khoản 4 Điều 5 Quyết định này, số tiền chênh lệch giữa giá trị quỹ đất tạo vốn và giá trị công trình xây dựng kết cấu hạ tầng của từng dự án (nếu có) được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Số tiền này chỉ được dùng để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương theo dự án được duyệt.

Điều 16. Đăng ký quyền sử dụng đất.

Văn bản trúng đấu giá, văn bản trúng thầu xây dựng công trình thuộc dự án sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng cùng với các hồ sơ liên quan khác theo quy định của pháp luật là căn cứ để giao đất cho người trúng đấu giá đất hoặc trúng thầu xây dựng công trình được thanh toán bằng quỹ đất tạo vốn. Văn bản trúng đấu giá đất hoặc trúng thầu xây dựng công trình, quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các giấy tờ có liên quan khác là căn cứ để người được giao đất đăng ký quyền sử dụng đất.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư trúng thầu công trình và người được giao đất.

Người trúng đấu giá được giao đất phải sử dụng theo đúng mục đích ghi trong dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nếu vi phạm sẽ bị thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai.

Người trúng đấu giá được giao đất hoặc trúng thầu xây dựng công trình cơ sở hạ tầng được giao đất thanh toán có các quyền của người được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nhà đầu tư trúng thầu xây dựng công trình cơ sở hạ tầng có trách nhiệm thực hiện nghiêm ngặt hợp đồng đã ký với chủ dự án, bảo đảm tiến độ, khối lượng, xây dựng công trình đã cam kết. Nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật về hợp đồng kinh tế.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước.

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- Ban hành quy chế và chỉ đạo tổ chức đấu giá đất, chỉ đạo đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Quyết định đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc đấu giá đất của từng trường hợp cụ thể;

- Quyết định giá đất để thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp đấu thầu công trình;

- Phê duyệt kết quả đấu giá đất, đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện cơ chế tài chính trong việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính - Vật giá chủ trì phối hợp với các ngành liên quan:

- Theo dõi kịp thời sự hình thành và biến động của giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế tại địa phương làm cơ sở cho việc xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất trong trường hợp đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc xác định giá khởi điểm để đấu giá đất;

- Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá đất trong trường hợp định giá đất và đấu thầu công trình xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong trường hợp này, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá đất, Sở Tài chính - Vật giá phải tham khảo ý kiến thẩm định của cơ quan thẩm định giá đất đai - bất động sản (nếu có);

- Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá đất để xác định giá trị quỹ đất thanh toán cho nhà đầu tư;

- Tham gia Hội đồng đấu giá đất, đấu thầu, chọn nhà đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng;

- Lập dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách về việc sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ

sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

- Thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước tiền sử dụng đất của quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, ghi chi ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản;

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện Quyết định này.

Điều 19. Điều khoản thi hành.

1. Quy định về đấu giá đất tại Quyết định này cũng được áp dụng đối với các trường hợp:

- Giao đất có thu tiền sử dụng đất theo phương thức đấu giá;

- Cơ quan, đơn vị sự nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc bán công trình cùng với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

- Giao đất cho các tổ chức kinh tế xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê (trừ trường hợp có phần hóa doanh nghiệp nhà nước và chuyển từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất);

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định về cơ chế tài chính sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Đối với dự án đang thực hiện dở dang thì thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với dự án chưa triển khai thực hiện thì phải thực hiện theo Quyết định này.

Điều 20. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời xem xét, giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 23/2003/QĐ-BTC ngày 25/2/2003 về việc ban hành Quy tắc, Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 115/1997/NĐ-CP ngày 17/12/1997 của Chính phủ về chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các Ngân hàng và Tổ chức Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc, Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế cho Quyết định số 299/1998/QĐ-BTC ngày 16/3/1998 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy tắc, Biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. Các hợp đồng bảo hiểm đã giao kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực vẫn được tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Chánh Văn phòng Bộ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

QUY TẮC Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới

(ban hành theo Quyết định số 23/2003/QĐ-BTC ngày 25/02/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chủ xe cơ giới kể cả